

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 9 năm 2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Quỳnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Tân

Bà Vũ Thị Bắc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Bảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cát Hải;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị M; địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn P; địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị M trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn P chung sống như vợ chồng từ năm 1999, năm 2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đại Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Ngay sau khi kết hôn khoảng 2-3 năm, hai bên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã. Anh P thường xuyên rượu

chè, say xin có nhiều hành vi bạo lực gia đình đối với chị. Mâu thuẫn trầm trọng từ thời điểm năm 2020 đến nay. Hiện nay, tình cảm giữa hai bên đã không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cát Hải giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh P có 02 con chung là Hoàng Đức N, sinh ngày 24/9/2001 và Hoàng Nhật M, sinh ngày 28/9/2010 hiện nay cháu N đã trưởng thành đang tham gia nghĩa vụ quân sự. Chị yêu cầu Tòa án giao con chung là Hoàng Nhật M cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung: Chị và anh P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Cát Hải đã nhiều lần triệu tập bị đơn Hoàng Văn P lấy lời khai, tuy nhiên bị đơn cố tình trốn tránh không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không gửi văn bản thể hiện quan điểm của bị đơn trong việc giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ ở địa phương, xác định chị M và anh P có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng vào năm 2002. Sau khi kết hôn anh chị chuyển ra sinh sống tại C và mua nhà, đăng ký HKTT tại thị trấn C. Trong quá trình chung sống hai bên đương sự phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và cách sống khác biệt nhau, trong cuộc sống không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã vì bất đồng quan điểm sống. Tổ dân phố và các đoàn thể đã cố gắng hòa giải cho đương sự tuy nhiên không thành công. Hiện nay mâu thuẫn của các đương sự đã trầm trọng, không thể hàn gắn được. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Chị M và anh P có 02 con chung là Hoàng Đức N, sinh ngày 24/9/2001 và Hoàng Nhật M, sinh ngày 28/9/2010 hiện nay cháu Hoàng Đức N đã trưởng thành, cháu Hoàng Nhật M đang sống với mẹ tại thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng. Chị Bùi Thị M hiện nay đang là lao động tự do làm công việc thu mua phế liệu tại thị trấn Cát Bà, còn anh Hoàng Văn P làm lao động tự do trên địa bàn thị trấn C.

Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không gửi cho Tòa án quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng dân sự: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án.

Nguyên đơn đã tuân thủ yêu cầu của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Không có mặt khi Tòa án triệu tập,

không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án, vắng mặt không có lý do tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và vắng mặt 02 lần không có lý do tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị M được ly hôn với anh Hoàng Văn P; Đề nghị giao con chung là Hoàng Nhật M, sinh ngày 28/9/2010 cho chị Bùi Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Chị M không yêu cầu anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án về Ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án. Trong đó bị đơn có nơi cư trú tại tổ dân phố 3, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải.

[2] Về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Chị M và anh P có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đây là quan hệ hôn nhân phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống do hai bên có những bất đồng quan điểm sống, do tính cách sống của hai vợ chồng không có điểm chung nên giữa hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trong gia đình, không còn quan tâm đến nhau. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra cả hai đều không muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, điều đó thể hiện bị đơn không có quan điểm cũng như không quan tâm đến hôn nhân của chính mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xét yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị M và anh P có 02 con chung là Hoàng Đức N, sinh ngày 22/9/2001 và Hoàng Nhật M, sinh ngày 28/9/2010. Hiện nay Hoàng Đức N đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét. Cháu Hoàng Nhật M có đơn yêu cầu được ở với mẹ. Chị M có điều kiện về chỗ ở, công việc và có thu nhập ổn định, bên cạnh đó cháu M là con gái nên việc giao cháu cho mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với sự phát triển về tâm sinh lý của trẻ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu về con chung của nguyên đơn.

Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con, đề nghị được tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị M, chị M được ly hôn với anh Hoàng Văn P.

2. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Nhật M, sinh ngày 28/9/2010 cho chị Bùi Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và không được lạm dụng quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị M phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Được trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải theo biên lai thu tiền số 0003668 ngày 15 tháng 7 năm 2021.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện Cát Hải;
- Chi cục THADS huyện Cát Hải;
- UBND xã , huyện T, tp. Hải Phòng;
(Đăng ký kết hôn ngày 16/10/2002);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Như Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Như Quỳnh

